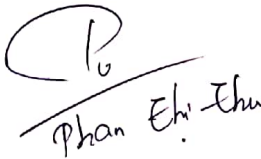


DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22434501] - Thực tập tốt nghiệp
(Tiếng Anh) (CCQ2124LA)
CBGD: KHOA NGOẠI NGỮ (TG240090)

Số SV có mặt: 06
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....


Phan Thị Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121242004	Đặng Linh	Chi	08/02/2003	CCQ2124LA			10.0	7.7	8.6
2	2121242006	Lê Nguyễn Ánh	Dương	03/01/2002	CCQ2124LA			6.8	8.6	7.9
3	2121242002	Hồ Thị Như	Lệ	16/11/2003	CCQ2124LA			10.0	8.3	9.0
4	2121242001	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	31/12/2003	CCQ2124LA			10.0	7.6	8.6
5	2121242003	Nguyễn Trọng	Phúc	05/04/2003	CCQ2124LA			10.0	7.5	8.5
6	2121242007	Hoàng Lan	Phương	09/07/2003	CCQ2124LA			10.0	6.4	7.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

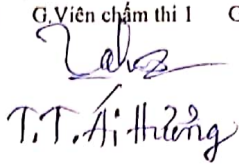
Môn học : [22434502] - Thực tập tốt nghiệp
(Tiếng Anh) (TTTN24)

CBGD: KHOA NGOẠI NGỮ (TG240149)

Số SV có mặt: 16

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:


T.T. Ai Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121240008	Hồ Thị Hoài	08/04/2001	CCQ2124A			10.0	7.8	87
2	2120240126	Trương Minh Khoa	14/09/2002	CCQ2024E			10.0	7.6	86
3	2120240208	Trần Nguyễn Minh Khôi	05/01/2002	CCQ2024C			8.1	4.9	6.2
4	2118240304	Nguyễn Thị Ái Kiều	17/03/2000	CCQ1824E			8.0	4.7	6.0
5	2120240044	Lê Khả Kỳ	01/08/2001	CCQ2024B			10.0	5.4	7.2
6	2121240060	Hoàng Thị Liễu	23/04/2001	CCQ2124B			10	8.9	9.3
7	2121240012	Nguyễn Thị Linh	20/08/2002	CCQ2124A			9.6	7.0	8.0
8	2120240071	Nguyễn Hoàng Phương Nam	01/08/2002	CCQ2024C			9.6	6.8	7.9
9	2121240038	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/04/2003	CCQ2124B			9.6	8.9	9.2
10	2118130278	Bùi Thị Kim Phượng	07/04/2000	CCQ1824F			9.6	5.8	7.3
11	2121240019	Nguyễn Đoàn Triệu Quân	20/03/2003	CCQ2124A			9.2	4.7	6.5
12	2120240052	Đỗ Thị Hồng Thắm	29/07/2002	CCQ2024B			9.5	6.5	7.7
13	2120240023	Trần Thị Thu Thảo	16/09/2002	CCQ2024A			9.7	6.5	7.8
14	2120240053	Cao Thị Anh Thư	19/02/2002	CCQ2024B			9.6	5.3	7.0
15	2121240078	Nguyễn Thị Hoài Thương	06/05/2001	CCQ2124C			8.7	7.3	7.9
16	2120240118	Trần Thị Thúy Triều	24/05/2002	CCQ2024D			9.2	6.2	7.4